



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019.



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thông tin về Công ty

Các văn bản thành lập

Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 16 ngày 6 tháng 7 năm 2017.

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Quang Vinh	Chủ tịch
Ông Vũ Hồng Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Dũng	Ủy viên
Ông Phan Phương Anh	Ủy viên
Ông Trần Vũ Nam	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Ông Kiều Văn Chiến	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hải	Thành viên
Ông Doãn Duy Đạo	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hồng Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Công	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 20, Tòa nhà Mippec Tower
Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 28-08-2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 28-08-2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG



Báo cáo soát xét số: 19-02-00160-19-1

Wang Toon Kim
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, **28-08-2019**

Phạm Thị Thùy Linh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.223.147.738.338	1.218.134.127.831
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	44.520.219.587	47.763.775.613
Tiền	111		44.520.219.587	47.763.775.613
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		680.120.000.000	690.310.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	9(a)	(1.490.000.000)	(1.600.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(b)	679.000.000.000	689.300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		380.640.516.917	345.314.622.801
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	309.438.652.528	242.913.029.801
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		11.804.648.325	4.074.329.395
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	59.023.455.041	98.327.263.605
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		373.761.023	-
Hàng tồn kho	140	12	86.856.133.886	103.197.637.144
Hàng tồn kho	141		90.617.433.683	104.240.029.909
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.761.299.797)	(1.042.392.765)
Tài sản ngắn hạn khác	150		31.010.867.948	31.548.092.273
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.534.596.210	1.874.009.536
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		28.476.271.738	27.896.981.145
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	-	1.777.101.592

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		550.101.107.763	576.262.391.766
Tài sản cố định	220		232.454.226.519	250.805.069.161
Tài sản cố định hữu hình	221	13	223.270.519.078	241.564.391.720
Nguyên giá	222		525.979.689.024	523.956.911.752
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(302.709.169.946)	(282.392.520.032)
Tài sản cố định vô hình	227	14	9.183.707.441	9.240.677.441
Nguyên giá	228		21.095.219.106	21.095.219.106
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.911.511.665)	(11.854.541.665)
Bất động sản đầu tư	230	15	7.099.994.543	7.191.291.209
Nguyên giá	231		9.043.165.265	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.943.170.722)	(1.851.874.056)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.380.849.324	1.371.524.136
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	1.380.849.324	1.371.524.136
Đầu tư tài chính dài hạn	250		186.487.708.826	186.487.708.826
Đầu tư vào công ty con	251	9(c)	186.487.708.826	186.487.708.826
Tài sản dài hạn khác	260		122.678.328.551	130.406.798.434
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	122.469.849.998	130.198.319.881
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		208.478.553	208.478.553
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.773.248.846.101	1.794.396.519.597

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		991.535.382.199	954.042.399.574
Nợ ngắn hạn	310		972.244.265.011	935.155.527.416
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	145.957.674.772	146.977.968.862
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		305.014.275	3.030.022.490
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	5.900.733.915	7.928.208.498
Phải trả người lao động	314		7.406.234.245	12.481.419.762
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.730.393.242	1.295.193.387
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		497.094.600	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	20(a)	8.564.875.059	6.522.683.634
Vay ngắn hạn	320	21	793.514.874.101	754.180.084.197
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	5.367.370.802	2.739.946.586
Nợ dài hạn	330		19.291.117.188	18.886.872.158
Phải trả dài hạn khác	337	20(b)	19.291.117.188	18.886.872.158
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		781.713.463.902	840.354.120.023
Vốn chủ sở hữu	410	23	781.713.463.902	840.354.120.023
Vốn cổ phần	411	24	603.426.380.000	603.426.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	24	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	97.138.736.344	85.607.285.170
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		81.198.047.558	151.370.154.853
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		5.995.300.044	1.722.755.723
- LNST chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		75.202.747.514	149.647.399.130
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.773.248.846.101	1.794.396.519.597


Người lập:

28-08-2019



Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi
Kế toán trưởng



Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	1.252.149.336.449	1.261.313.315.877
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	1.665.151.331	2.739.234.990
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	1.250.484.185.118	1.258.574.080.887
Giá vốn hàng bán	11	29	1.187.046.282.313	1.193.157.451.156
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		63.437.902.805	65.416.629.731
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	75.910.056.887	88.322.616.744
Chi phí tài chính	22	31	22.616.086.799	27.395.020.019
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>21.889.925.694</i>	<i>24.871.757.020</i>
Chi phí bán hàng	25	32	14.865.279.306	17.092.284.550
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	19.808.395.439	19.503.354.789
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		82.058.198.148	89.748.587.117
Thu nhập khác	31		6.576.971	103.700.889
Chi phí khác	32		-	558
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		6.576.971	103.700.331
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		82.064.775.119	89.852.287.448
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	6.862.027.605	7.125.225.351
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52		-	(40.117.479)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		75.202.747.514	82.767.179.576

Người lập:

28-08-2019



Phan Quang Thành
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi
 Kế toán trưởng



Vũ Hồng Khánh
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	82.064.775.119	89.852.287.448
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	20.899.192.740	22.792.954.740
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	03	2.608.907.032	(4.915.332.851)
các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(262.915.386)	494.261.950
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(70.194.835.732)	(84.967.474.214)
Chi phí lãi vay	06	21.889.925.694	24.871.757.020
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	57.005.049.467	48.128.454.093
Biến động các khoản phải thu	09	(77.510.513.055)	(83.961.697.592)
Biến động hàng tồn kho	10	13.622.596.226	24.509.018.037
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(4.505.950.305)	(40.622.763.003)
Biến động chi phí trả trước	12	6.633.607.049	5.525.941.208
		(4.755.210.618)	(46.421.047.257)
Tiền lãi vay đã trả	14	(22.234.405.237)	(25.008.259.131)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.241.547.801)	(9.882.341.836)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.537.409.419)	(9.794.864.102)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(43.768.573.075)	(91.106.512.326)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(2.032.102.460)	(8.383.158.731)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	3.766.620.486
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(769.000.000.000)	(624.400.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	779.300.000.000	753.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	113.577.265.670	127.222.420.205
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	121.845.163.210	251.205.881.960
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	1.201.501.726.424	1.035.221.034.218
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.162.166.936.520)	(1.124.497.232.166)
Tiền trả cổ tức	36	(120.655.062.000)	(71.386.021.560)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(81.320.272.096)	(160.662.219.508)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(3.243.681.961)	(562.849.874)
Tiền đầu kỳ	60	47.763.775.613	62.301.137.474
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	125.935	(263.551)
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	44.520.219.587	61.738.024.049

28 -08- 2019

Người lập:



Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi
Kế toán trưởng



Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCĐN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 6 tháng 7 năm 2017 với số vốn điều lệ là 603.426.380.000 VND.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vô bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vô bình gas.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2019: 6 công ty con) được liệt kê trong Thuyết minh 9(c).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty có 279 nhân viên (1/1/2019: 291 nhân viên).

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty về khả năng có thể thu hồi của các khoản phải thu.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 30 năm
▪ máy móc, thiết bị	6 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 – 10 năm
▪ dụng cụ quản lý	3 – 6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm. Không tính khấu hao cho các lô đất mà Tổng Công ty có quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 10 năm.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 50 năm
- nhà cửa, vật kiến trúc 48 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang không được tính trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Vô bình gas

Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vô bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vô bình gas nhận được. Theo đó, vô bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí đền bù đất phát sinh liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê cho các hoạt động sản xuất và gia công, công cụ dụng cụ, bảo hiểm cháy nổ và các chi phí trả trước khác.

Chi phí đền bù đất được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê đất là 45 năm.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Chi phí bảo hiểm cháy nổ và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm tùy theo hợp đồng bảo hiểm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá mua trừ chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con của Tổng Công ty, công ty mẹ (Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	21.215.707	130.932.171
Tiền gửi ngân hàng	44.499.003.880	47.632.843.442
	<hr/> 44.520.219.587	<hr/> 47.763.775.613

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	Số lượng	Giá gốc VND	30/6/2019	Dự phòng giảm giá VND
			Giá trị hợp lý (*) VND	
<i>Cổ phiếu</i> Tổng Công ty CP Dệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	1.120.000.000	(1.490.000.000)
			1/1/2019	
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng giảm giá VND
<i>Cổ phiếu</i> Tổng Công ty CP Dệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	1.010.000.000	(1.600.000.000)

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty này được xác định bằng cách tham chiếu giá bình quân của các cổ phiếu của công ty được niêm yết trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày có giao dịch gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (**) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	679.000.000.000	679.000.000.000
	1/1/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (**) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	689.300.000.000	689.300.000.000

(**) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2019 và 1/1/2019				
	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào công ty con:					
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	70.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Đà Nẵng	100%	40.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Hải Phòng	100%	30.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	20.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Cần Thơ	100%	15.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Thành phố Hồ Chí Minh	51%	11.487.708.826	-	(*)
			<u>186.487.708.826</u>	-	

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**

ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và bên liên quan:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Bên liên quan		
Các công ty con		
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	79.926.350.761	67.806.119.972
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	38.958.670.521	29.317.326.471
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	57.644.923.562	47.705.896.489
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	49.466.213.173	20.841.123.031
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	32.186.018.280	28.198.415.080
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	25.802.308.819	22.543.377.525
Bên khác		
Các khách hàng khác	25.454.167.412	26.500.771.233
	<hr/>	<hr/>
	309.438.652.528	242.913.029.801

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	9.387.375.000	11.593.695.000
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	42.909.075.180	84.085.185.118
Phải thu người lao động	1.226.204.418	255.401.783
Hàng hóa cho mượn sản xuất	3.620.234.884	723.844.734
Phải thu ngắn hạn khác	1.880.565.559	1.669.136.970
	<hr/>	<hr/>
	59.023.455.041	98.327.263.605

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Hàng tồn kho**

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	26.315.177.748	-	49.566.104.912	-
Nguyên vật liệu	13.017.882.216	(1.042.392.765)	12.040.515.345	(1.042.392.765)
Hàng hóa	51.284.373.719	(2.718.907.032)	42.633.409.652	-
	<hr/>		<hr/>	
	90.617.433.683	(3.761.299.797)	104.240.029.909	(1.042.392.765)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có 1.766 triệu VND nguyên vật liệu và 34.550 triệu VND hàng hóa (1/1/2019: 1.766 triệu VND nguyên vật liệu và 0 VND hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	282.875.618.524	193.212.420.231	40.947.480.313	6.921.392.684	523.956.911.752
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	-	-	2.022.777.272	-	2.022.777.272
Số dư cuối kỳ	282.875.618.524	193.212.420.231	42.970.257.585	6.921.392.684	525.979.689.024
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	121.820.617.007	132.091.734.883	22.018.331.823	6.461.836.319	282.392.520.032
Khấu hao trong kỳ	5.892.346.472	12.512.429.089	1.797.420.843	114.453.510	20.316.649.914
Số dư cuối kỳ	127.712.963.479	144.604.163.972	23.815.752.666	6.576.289.829	302.709.169.946
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	161.055.001.517	61.120.685.348	18.929.148.490	459.556.365	241.564.391.720
Số dư cuối kỳ	155.162.655.045	48.608.256.259	19.154.504.919	345.102.855	223.270.519.078

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 82.067 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: 73.754 triệu VND).

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	10.576.243.470	10.518.975.636	21.095.219.106
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	2.275.339.942	9.579.201.723	11.854.541.665
Khấu hao trong kỳ	56.970.000	-	56.970.000
Phân loại lại	(939.773.913)	939.773.913	-
Số dư cuối kỳ	1.392.536.029	10.518.975.636	11.911.511.665
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	8.300.903.528	939.773.913	9.240.677.441
Số dư cuối kỳ	9.183.707.441	-	9.183.707.441

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 10.519 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: 10.519 triệu VND).

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.368.210.001	483.664.055	1.851.874.056
Khấu hao trong kỳ	69.570.000	21.726.666	91.296.666
Số dư cuối kỳ	1.437.780.001	505.390.721	1.943.170.722
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	5.589.195.469	1.602.095.740	7.191.291.209
Số dư cuối kỳ	5.519.625.469	1.580.369.074	7.099.994.543

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 50 năm và giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại địa chỉ Số 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh, có thời gian khấu hao trong 48 năm tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	1.371.524.136	1.499.998.182
Tăng trong kỳ	2.032.102.460	2.691.624.999
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.022.777.272)	(4.047.244.999)
Số dư cuối kỳ	1.380.849.324	144.378.182

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Công trình cải tạo chi nhánh Phú Thọ	1.227.145.954	1.227.145.954
Công trình văn phòng Cần Thơ	153.703.370	144.378.182
Số dư cuối kỳ	1.380.849.324	1.371.524.136

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Vô bình gas VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	96.517.297.052	17.708.785.393	15.972.237.436	130.198.319.881
Tăng trong kỳ	5.632.933.239	-	-	5.632.933.239
Phân bổ trong kỳ	(8.158.527.839)	(434.276.160)	(1.180.038.288)	(9.772.842.287)
Thanh lý cho công ty con	(3.588.560.835)	-	-	(3.588.560.835)
Số dư cuối kỳ	90.403.141.617	17.274.509.233	14.792.199.148	122.469.849.998

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo khách hàng lớn và bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Bên liên quan		
Các công ty con		
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	1.975.546.276	4.325.298.648
Bên khác		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam		
– Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	25.588.637.790	21.525.290.361
Công ty TNHH EI Corporation	24.444.747.004	41.981.492.780
PTT International Trading PTE Ltd	78.138.774.839	69.462.073.249
Các nhà cung cấp khác	15.809.968.863	9.683.813.824
	<hr/>	<hr/>
	145.957.674.772	146.977.968.862

Khoản phải trả người bán cho công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2019		Số phát sinh trong kỳ		Số bù trừ/đã nộp trong kỳ		30/6/2019	
	Phải thu VND	Phải trả VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số bù trừ/đã nộp trong kỳ VND	Phải thu VND	Phải trả VND	Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.390.876.111	295.304.971.328	(296.199.821.283)	-	-	-	496.026.156
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	803.378.732	85.225.675.171	(86.029.053.903)	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.917.647.443	6.862.027.605	(6.241.547.801)	-	-	-	3.538.127.247
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.816.306.212	39.000.222.905	(40.569.650.035)	-	-	-	1.246.879.082
Thuế thu nhập cá nhân	(1.777.101.592)	-	3.456.800.108	(1.059.997.086)	-	-	-	619.701.430
Thuế khác	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-	-	-
	(1.777.101.592)	7.928.208.498	429.858.697.117	(430.109.070.108)	-	-	-	5.900.733.915

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm	723.521.929	662.317.837
Cổ tức phải trả	318.184.820	294.676.820
Tài sản thừa chờ giải quyết	2.675.914.540	-
Hàng hóa đi mượn	1.454.269.806	1.912.137.561
Phải trả ngắn hạn khác	3.392.983.964	3.653.551.416
	<hr/>	
	8.564.875.059	6.522.683.634
	<hr/>	

(b) Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Vay ngắn hạn**

	1/1/2019 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2019 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	754.180.084.197	1.201.501.726.424	(1.162.166.936.520)	793.514.874.101

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	406.164.471.277	318.063.800.981
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	246.638.989.870	124.219.156.902
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	62.259.460.865	-
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	VND	49.552.202.844	145.875.298.801
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH	VND	28.899.749.245	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	-	101.228.844.926
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	-	64.792.982.587
		793.514.874.101	754.180.084.197

Các khoản vay ngân hàng là các khoản vay tín chấp.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.739.946.586	1.960.353.798
Trích lập trong kỳ	13.164.833.635	10.602.951.890
Sử dụng trong kỳ	(10.537.409.419)	(9.794.864.102)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	5.367.370.802	2.768.441.586

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2018	603.426.380.000	(49.700.000)	29.096.229.722	141.243.905.061	773.716.814.783
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	82.767.179.576	82.767.179.576
Phân bổ vào các quỹ	-	-	56.511.055.448	(56.511.055.448)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(10.602.951.890)	(10.602.951.890)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(72.407.142.000)	(72.407.142.000)
Số dư tại ngày 30/6/2018	603.426.380.000	(49.700.000)	85.607.285.170	84.489.935.299	773.473.900.469
Số dư tại ngày 1/1/2019	603.426.380.000	(49.700.000)	85.607.285.170	151.370.154.853	840.354.120.023
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	75.202.747.514	75.202.747.514
Phân bổ vào các quỹ	-	-	11.531.451.174	(11.531.451.174)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(13.164.833.635)	(13.164.833.635)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(120.678.570.000)	(120.678.570.000)
Số dư tại ngày 30/6/2019	603.426.380.000	(49.700.000)	97.138.736.344	81.198.047.558	781.713.463.902

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.342.638	603.426.380.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(3.353)	(49.700.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.392.850.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

26. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền mặt trị giá 120.679 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 72.407 triệu VND).

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Gas giữ hộ bên thứ ba	1.322.063.550	1.751.783.500

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ ("USD")	647,86	15.034.789	647,80	15.001.198
Euro ("EUR")	174,47	4.603.101	168,10	4.433.470
		<u>19.637.890</u>		<u>19.434.668</u>

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.242.189.405.871	1.248.546.015.462
▪ Cung cấp dịch vụ	5.094.759.157	5.927.374.693
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	1.220.530.900	1.809.522.818
▪ Phân bổ tiền ký cược, ký quỹ vỏ bình gas	3.644.640.521	5.030.402.904
	<u>1.252.149.336.449</u>	<u>1.261.313.315.877</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(1.665.151.331)	(1.557.055.126)
▪ Chiết khấu bán hàng	-	(1.182.179.864)
	<u>(1.665.151.331)</u>	<u>(2.739.234.990)</u>
Doanh thu thuần	<u>1.250.484.185.118</u>	<u>1.258.574.080.887</u>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng	1.176.981.169.228	1.187.403.155.538
▪ Cung cấp dịch vụ	5.063.412.178	3.297.154.613
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	2.282.793.875	1.813.350.568
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.718.907.032	643.790.437
	1.187.046.282.313	1.193.157.451.156

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lãi tiền gửi	22.175.247.909	30.204.310.708
Lợi nhuận được chia	48.019.587.823	54.763.163.506
Lãi bán hàng trả chậm	4.361.236.261	2.722.208.272
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.090.079.508	632.934.258
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	262.915.386	-
Doanh thu tài chính khác	990.000	-
	75.910.056.887	88.322.616.744

31. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí lãi vay	21.889.925.694	24.871.757.020
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	494.261.950
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	815.240.965	702.811.870
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(110.000.000)	1.160.000.000
Chi phí tài chính khác	20.920.140	166.189.179
	22.616.086.799	27.395.020.019

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.070.442.990	1.516.238.866
Chi phí khấu hao	134.151.669	198.639.001
Chi phí phân bổ vỏ bình gas	8.158.527.839	7.445.592.932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.016.494.482	7.524.950.821
Chi phí bán hàng khác	485.662.326	406.862.930
	14.865.279.306	17.092.284.550

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	9.004.411.682	10.512.445.268
Chi phí khấu hao	871.207.729	1.070.026.176
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(223.009.700)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.443.531.568	5.407.615.364
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.489.244.460	2.736.277.681
	19.808.395.439	19.503.354.789

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	1.113.702.345.679	1.106.900.955.124
Chi phí nguyên vật liệu	15.320.903.069	18.051.990.257
Chi phí nhân viên	29.200.410.928	30.270.549.434
Chi phí khấu hao	20.899.192.740	22.792.954.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.032.833.413	34.174.722.069
Chi phí khác	18.215.235.296	10.026.149.639

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí thuế hiện hành Kỳ hiện hành	6.862.027.605	7.125.225.351
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	-	(40.117.479)
Chi phí thuế thu nhập	6.862.027.605	7.085.107.872

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	82.064.775.119	89.852.287.448
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	16.412.955.024	17.970.457.490
Chi phí không được khấu trừ thuế	52.990.146	67.283.083
Thu nhập không bị tính thuế (*)	(9.603.917.565)	(10.952.632.701)
	6.862.027.605	7.085.107.872

(*) Đây là các khoản thu nhập từ cổ tức thu được từ các khoản đầu tư vào các công ty con.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng****kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Phân phối lợi nhuận	63.208.598.000	37.925.158.800
Công ty con		
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội</i>		
Bán hàng hóa	147.280.825.615	145.077.090.293
Lợi nhuận được chia	8.415.137.921	8.844.746.722
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn</i>		
Bán hàng hóa	253.746.855.651	259.074.829.394
Lợi nhuận được chia	13.734.069.547	15.520.651.320
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng</i>		
Bán hàng hóa	227.959.377.785	226.838.215.171
Lợi nhuận được chia	9.061.655.443	11.843.815.746
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ</i>		
Bán hàng hóa	89.811.083.256	87.243.771.075
Lợi nhuận được chia	1.886.305.100	2.615.780.103
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng</i>		
Bán hàng hóa	234.008.084.910	231.127.418.524
Lợi nhuận được chia	9.811.907.169	8.603.680.098
<i>Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G</i>		
Mua hàng hóa	11.547.558.000	21.246.024.800
Lợi nhuận được chia	5.110.512.643	7.334.489.517
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
<i>Công ty Xăng dầu Phú Thọ</i>		
Bán hàng hóa	25.253.549.578	20.073.229.682
<i>Công ty Xăng dầu Hà Giang</i>		
Bán hàng hóa	16.078.086.008	17.218.857.528

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn – Công ty Xăng dầu Hà Bắc Bán hàng hóa	13.753.405.749	13.429.339.323
Công ty Xăng dầu Bắc Thái Bán hàng hóa	10.503.989.064	8.641.726.342
Chi nhánh Xăng dầu Vĩnh Phúc – Công ty Xăng dầu khu vực I Bán hàng hóa	10.485.916.391	12.991.131.051
Chi nhánh Xăng dầu Sơn La – Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình Bán hàng hóa	10.400.055.856	9.467.565.047
Công ty Xăng dầu Tuyên Quang Bán hàng hóa	10.197.816.248	10.135.479.760
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Hoàn trả gốc vay	-	213.818.309.032
Chi phí lãi vay	-	2.414.493.040
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam Bán hàng hóa	47.163.359.791	37.763.649.716
Tổng Giám đốc Lương và thưởng	469.136.467	533.299.547
Các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc Lương và thưởng	1.313.582.108	1.130.320.568
Hội đồng Quản trị Thù lao	907.393.650	896.137.146
Ban Kiểm soát Thù lao	557.911.522	635.207.137

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

37. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được mang sang từ:

- các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh liên quan; và
- số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan.

Người lập:



Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

28-08-2019

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi
Kế toán trưởng



Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

